

## BẢNG ĐIỂM

### Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non(224.1)\_LT\_03

Học kỳ: 2\_2024-2025. Giảng viên: Đặng Thị Lê Na, Trần Thị Thúy Nga (GDMN)

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	225714020130011	NGUYỄN THUY	AN	7.8	
2	225714020130054	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	7.9	
3	225714020130051	PHAN TRẦN QUỲNH	ANH	6.8	
4	225714020130137	LO THỊ ANH	BAO	7.2	
5	225714020130052	CAO THỊ LÊ	CHI	7.8	
6	225714020130035	CAO THỊ MAI	CHI	7.9	
7	225714020130113	VŨ THỊ HỒNG	DIU	7.4	
8	225714020130117	PHAN THỊ KIM	DUNG	6.3	
9	225714020130144	LÊ THỊ	GIANG	7.0	
10	225714020130053	HOÀNG THỊ	HẠNH	7.9	
11	225714020130078	HỒ THỊ	HẰNG	8.6	
12	225714020130026	LŨ THỊ	HẰNG	7.7	
13	225714020130145	PHAN THỊ	HIỀN	7.7	
14	225714020130150	NGUYỄN THỊ	HOÀI	8.0	
15	225714020130101	TRẦN THỊ	HOÀI	8.5	
16	225714020130139	ĐẶNG THỊ	HUẾ	8.5	
17	225714020130121	ĐINH THỊ THU	HUYỀN	7.8	
18	225714020130096	HOÀNG MINH	HUYỀN	8.6	
19	225714020130148	LÊ THỊ	HUYỀN	8.0	
20	225714020130009	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	7.6	
21	225714020130094	TRẦN PHAN KHÁNH	HUYỀN	8.2	
22	225714020130066	TRỊNH THỊ NGỌC	HUYỀN	8.5	
23	225714020130126	THÁI THỊ	HƯNG	8.4	
24	225714020130108	TRẦN THỊ	HƯỜNG	7.6	
25	225714020130016	NGUYỄN THỊ	KHÁNH	8.1	
26	225714020130130	VÀ Y	LỆ	7.6	
27	225714020130074	HOÀNG NGUYỄN THÙY	LINH	7.0	
28	225714020130001	HOÀNG THỊ THUỶ	LINH	7.9	
29	225714020130107	HỒ THỊ MAI	LINH	7.0	
30	225714020130012	NGUYỄN THỊ	LINH	9.1	
31	225714020130028	NGUYỄN THỊ PHI	LINH	7.3	
32	225714020130098	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	7.6	
33	225714020130004	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	7.9	

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
34	225714020130043	ĐẶNG PHƯƠNG	MAI	6.9	
35	225714020130062	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	8.1	
36	225714020130023	LA TIỂU	MẶN	7.5	
37	225714020130025	PHAN THỊ	MẾN	7.9	
38	225714020130125	LƯƠNG THỊ HOÀI	MỎ	7.5	
39	225714020130017	LÊ THỊ TRÀ	MY	7.5	
40	225714020130027	NGUYỄN THỊ	NGÂN	7.8	
41	225714020130019	HOÀNG THỊ BẢO	NGỌC	8.5	
42	225714020130081	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	7.7	
43	225714020130065	HỒ THỊ THANH	NHÀN	7.8	
44	225714020130120	HÀ VIỆN	NHI	7.5	
45	225714020130077	HOÀNG THỊ HÀ	PHƯƠNG	7.6	
46	225714020130055	NGUYỄN VÕ THÚY	PHƯỢNG	8.5	
47	225714020130087	NGUYỄN THỊ	SƯƠNG	7.6	
48	225714020130131	LÔ THỊ THANH	THẢO	7.7	
49	225714020130021	LÔ VI PHƯƠNG	THẢO	8.5	
50	225714020130044	THÁI THỊ	THẢO	8.5	
51	225714020130106	PHAN THỊ	THIỆN	8.4	
52	225714020130080	VI THỊ ÁNH	THƠ	7.9	
53	225714020130109	NGUYỄN THỊ	THỦY	7.0	
54	225714020130073	PHAN THỊ DIỄM	THƯƠNG	7.8	
55	215714020110106	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	8.5	
56	225714020130006	BÙI THỊ	TRANG	8.5	
57	225714020130123	NGUYỄN HỮU VÂN	TRANG	8.5	
58	225714020130163	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	8.5	
59	225714020130060	THÁI HUYỀN	TRANG	7.6	
60	225714020130088	LÊ THỊ ÁNH	TUYẾT	8.1	
61	225714020130037	VŨ THỊ THÚY	VÂN	8.4	
62	225714020130146	HOA THỊ	XUÂN	8.0	

Nghệ An, ngày 16 tháng 06 năm 2025

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**